

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đặc điểm, tình hình

- Trường Mầm non Rạng Đông 12 được thành lập theo Quyết định số 1718/QĐ-UB ngày 19 tháng 7 năm 1978 của Ủy ban nhân dân Quận 6 và đi vào hoạt động từ năm 1978 cho đến nay. Trường tập trung một điểm, tọa lạc tại số 351 đường Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6.

- Điện thoại: 028 38750739.

- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://mnrangdong12.hcm.edu.vn>.

- Hiệu trưởng: Quách Thị Thu Nga - Quyết định bổ nhiệm số 5961/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận 6.

- Phó hiệu trưởng: Đoàn Thị Thanh Thủy - Quyết định bổ nhiệm số 2188/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 6.

- Phó hiệu trưởng: Huỳnh Thị Bích Thảo - Quyết định bổ nhiệm số 6419/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận 6.

- Danh sách Hội đồng trường - Quyết định số 5320/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 6.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
01	Bà Quách Thị Thu Nga	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Thành viên
02	Bà Đoàn Thị Thanh Thủy	Phó hiệu trưởng - Đại diện Tổ văn phòng	Thành viên
03	Bà Huỳnh Thị Bích Thảo	Phó hiệu trưởng - Đại diện Tổ văn phòng	Thành viên
04	Bà Dương Thị Cẩm	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
03	Bà Lưu Thị Ngọc Hà	Bí thư Chi đoàn	Thành viên

04	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tổ trưởng tổ Chồi - Đại diện Tổ giáo viên	Thành viên
07	Bà Thái Thiên Lộc	Tổ trưởng Tổ Cấp dưỡng - Đại diện Tổ Cấp dưỡng	Thành viên
08	Bà Dương Trần Anh Thư	Chuyên trách Phổ cập Giáo dục - Đại diện Chính quyền địa phương	Thành viên
09	Bà Ngô Ngọc Thanh Châu	Trưởng Ban đại diện cha mẹ trẻ em	Thành viên

2. Chức năng, nhiệm vụ

Trường Mầm non Rạng Đông 12 là cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Nhà trường thực hiện nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ từ 25 tháng tuổi đến 6 tuổi.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Tình hình đội ngũ:

+ Số cán bộ quản lý: 03.

+ Số giáo viên: 19.

Giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn (theo Luật Giáo dục 2019): 03.

Giáo viên có trình độ trên chuẩn: 16.

+ Số giáo viên hợp đồng làm việc (biên chế): 19.

+ Số nhân viên: 13

Kế toán (biên chế): 01.

Thủ quỹ (biên chế): 01.

Cấp dưỡng (Hợp đồng 111): 02.

Phục vụ bếp (Hợp đồng 111): 02.

Nhân viên nuôi dưỡng (Hợp đồng 111): 03.

Phục vụ trường (Hợp đồng 111): 02.

Bảo vệ (Hợp đồng 111): 02.

- Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, có trách nhiệm, năng động, sáng tạo. Giáo viên yêu nghề, mến trẻ, luôn tìm tòi học hỏi và vận dụng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của trẻ. Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua cơ sở ngày một được nâng lên về số lượng, chất lượng, công tác chăm sóc giáo dục ngày càng được nâng cao. Năm học 2023-2024, trường có 20/20 giáo viên đạt chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019 đạt tỷ lệ 100%, 04/20 giáo viên đạt trình độ chuẩn tỷ lệ 20%, trên chuẩn 16/20 tỷ lệ 80%, được phân công trực tiếp làm công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	35		03	18	03	02	09	13	09	22			
I	Giáo viên	19			16	03			13	06	19			
1	Nhà trẻ	03			02	01			02	01	03			
2	Mẫu giáo	16			14	02			11	05	16			
II	Cán bộ quản lý	03		03						03	03			
1	Hiệu trưởng	01		01						01	01			
2	Phó hiệu trưởng	02		02						02	02			
III	Nhân viên	13			02		02	09						
1	Nhân viên văn thư	Kiểm nhiệm												
2	Nhân viên kế toán	01			01									
3	Thủ quỹ	01			01									
4	Nhân viên y tế	Kiểm nhiệm												
5	Nhân viên khác	11					02	09						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	16	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	09	
2	Phòng học bán kiên cố		

3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	932	2,5
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	432,7	1,16
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	385	1.03
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	116,3	0,31
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	37	0,09
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Đảm bảo theo Văn bản 3141	Số bộ/nhóm (lớp)
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	28	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		Vi tính: 16 Máy in: 09
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	09	
2	Nhạc cụ	05	
3	Máy Scan	01	
4	Máy Photo	01	
		Số lượng (m ²)	
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Số m ² /trẻ em
			Chung Nam/Nữ Chung Nam/Nữ

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	15,4		80,4		0,21
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Thông tư 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, qui trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non.
- Mức độ đạt kiểm định: Cấp độ 1.
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.
- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 nhà trường thực hiện tự đánh giá theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Mầm non.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Số trẻ tuyển sinh năm học 2024-2025: 133.
- Nhà trẻ: 38;
- Mầm: 52;
- Chồi: 32;
- Lá: 11.
- Tổng số nhóm/lớp năm học 2023-2024: 09; riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi: 03.
- Tổng số trẻ: 372 (Nữ: 188)
- Số trẻ được ăn bán trú:

- + Nhà trẻ: 38, tỷ lệ: 100%; mẫu giáo: 334, tỷ lệ: 100%.
- + Trẻ mẫu giáo hoàn thành chương trình 5 tuổi: 124, tỷ lệ: 100%.
- Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 372.
- Trẻ khuyết tật: 0.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Nội dung	Số tiền
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp	
1	Doanh thu	6.989.349.238
	- Từ NSNN cấp	6.989.349.238
	- Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	-
	- Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	
2	Chi phí	6.161.428.528
	- Chi phí hoạt động	6.161.428.528
	- Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	-
	- Chi phí hoạt động thu phí	-
3	Thặng dư/thâm hụt	827.920.710
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	
1	Doanh thu	3.513.698.382
2	Chi phí	2.831.457.378
3	Thặng dư/thâm hụt	682.241.004
III	Hoạt động tài chính	
1	Doanh thu	2.469.284
2	Chi phí	2.338.665
3	Thặng dư/thâm hụt	130.619
IV	Hoạt động khác	
1	Thu nhập khác	4.020.000
2	Chi phí khác	-
3	Thặng dư/thâm hụt	4.020.000
V	Chi phí thuế TNDN	95.505.365
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm	1.418.806.968
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	
2	Phân phối cho các quỹ	953.065.265
3	Kinh phí cải cách tiền lương	465.741.703

HỌC SINH	Số học sinh đi học thực tế			Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ
	Tổng số học sinh	Nhà trẻ	Mẫu giáo		Cả năm học	Học kỳ I (<=4)	Học kỳ II (<=5)	
TỔNG CỘNG	406	45	361					450.040
NHÀ TRẺ	45	45		100				27.800
	22	22		100	9	4	5	19.800
	2	2		100	8	3	5	1.600
	1	1		100	7	2	5	700
	1	1		100	6	1	5	600
	3	3		100	5	0	5	1.500
	4	4		100	4	0	4	1.600
	2	2		100	3	0	3	600
	4	4		100	2	0	2	800
	6	6		100	1	0	1	600
MẪU GIÁO	361		361	140				422.240
	303		303	140	9	4	5	381.780
	9		9	140	8	3	5	10.080
	15		15	140	7	2	5	14.700
	3		3	140	6	1	5	2.520
	6		6	140	5	0	5	4.200
	6		6	140	4	0	4	3.360
	8		8	140	3	0	3	3.360
	5		5	140	2	0	2	1.400
	6		6	140	1	0	1	840

Kết quả thực hiện hỗ trợ học phí theo Nghị Quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ THÁNG THỰC HỌC	KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ QUYẾT 02/2022/NQ-HĐND		GHI CHÚ
			MỨC TÍNH	SỐ TIỀN	
1	Phan Thu Như, sinh ngày 25/06/2019, học lớp Chồi 2, địa chỉ 402/15/3 Hậu Giang phường 12 Quận 6	4	160.000	640.000	Quyết định số 3499/QĐ-UBND ngày 08/09/2023
	Tổng cộng			640.000.	

2. Các khoản thu và mức thu đối với học sinh

Nội dung thu	Nhà trẻ	Mẫu giáo
1/Học phí/tháng	200.000đ	160.000đ
2/ Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng học sinh bán trú/năm	300.000đ	300.000đ
3/ Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú/tháng	345.000đ	345.000đ
4/ Tiền phục vụ ăn sáng/tháng	135.000đ	135.000đ
5/ Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo NQ04/tháng	18.000đ	18.000đ
6/ Tiền học phẩm/năm	50.000đ	50.000đ
7/ Tiền học cụ - học liệu/năm	400.000đ	400.000đ
8/ Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu/năm/lần	20.000đ	20.000đ
9/ Tiền nước uống/tháng	15.000đ	15.000đ
10/ Tiền sử dụng máy lạnh/tháng	20.000đ	20.000đ
11/Tiền suất ăn sáng/ngày (trích hỗ trợ tiền gas 600đ/HS/ngày)	16.000đ	16.000đ
12/ Tiền suất ăn trưa bán trú/ngày (trích hỗ trợ tiền gas 900đ/HS/ngày)	35.000đ	35.000đ
13/ Tiền bảo hiểm tai nạn/năm	30.000đ	30.000đ
14/ Tiền học Anh văn/tháng		80.000đ
15/Tiền học Vẽ (Hội họa)/tháng		80.000đ
16/ Tiền học Nhịp điệu (Aerobic)/tháng		80.000đ
17/ Tiền học Võ/tháng		80.000đ
18/ Tiền học Kỹ năng sống/tháng		80.000đ

3. Kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với học sinh

Kết quả thực hiện hỗ trợ học phí theo Nghị Quyết số 36/2023/HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023:

4. Số dư các quỹ

Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	403.341.060
Quỹ bổ sung thu nhập	357.256.888
Quỹ khen thưởng	31.513.809
Quỹ phúc lợi	220.999.574

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Triển khai thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025” tại đơn vị, khuyến khích giáo viên tích cực tham gia hội thi cấp quận theo kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ trong nhà trường; chuẩn bị tốt các điều kiện để sẵn sàng cho việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

Hỗ trợ giám sát các đơn vị mầm non ngoài công lập theo sự phân công của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.

Thực hiện tốt các chỉ tiêu cần đạt trong năm học 2023-2024. Thực hiện tốt các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

Đảm bảo 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019.

Cập nhật đầy đủ mã định danh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh 100%.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Quách Thị Thu Nga